

Số tham chiếu: 60758390/14030653

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học – Dược Phẩm ICA

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học – Dược Phẩm ICA (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 31 (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính riêng”). Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa sử dụng tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 để đánh giá lại khoản vay dài hạn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo như quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”). Nếu Công ty đánh giá lại khoản vay dài hạn theo quy định của VAS 10 thì số dư tài khoản vay dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng lên với số tiền là 4.846.724.500 VNĐ, trong khi lợi nhuận thuần sau thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền lần lượt là 4.592.271.464 VNĐ và 254.453.036 VNĐ.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu ở đoạn trên, các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 trong các báo cáo tài chính riêng nhằm nhấn mạnh rằng Công ty là công ty mẹ của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan, đã được phát hành riêng biệt.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Maria Cristina M. Calimbas

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.1073/KTV

Lê Quang Minh

Lê Quang Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0426/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 6 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		77.743.563.540	358.853.530.647
110	I. Tiền	4	4.632.895.048	4.327.710.348
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		56.561.457.487	342.964.120.466
131	1. Phải thu khách hàng	5	17.391.516.445	205.316.209.768
132	2. Trả trước cho người bán		22.802.542.248	74.449.633.874
135	3. Các khoản phải thu khác	6	16.367.398.794	63.198.276.824
140	III. Hàng tồn kho	7	14.015.338.211	10.853.476.022
141	1. Hàng tồn kho		14.466.987.492	12.480.803.805
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(451.649.281)	(1.627.327.783)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.533.872.794	708.223.811
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		194.237.460	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.169.419.286	344.006.363
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		170.216.048	364.217.448
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		442.782.115.554	125.278.313.490
220	I. Tài sản cố định		115.668.320.524	120.283.174.874
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	25.768.809.258	27.026.443.924
222	Nguyên giá		59.820.857.413	56.629.006.006
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(34.052.048.155)	(29.602.562.082)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	77.500.463.242	93.256.730.950
228	Nguyên giá		125.974.009.801	125.974.009.801
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(48.473.546.559)	(32.717.278.851)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	12.399.048.024	-
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		322.398.729.454	-
251	1. Đầu tư vào các công ty con	11	322.398.729.454	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.715.065.576	4.995.138.616
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.367.790.169	4.426.224.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	347.275.407	568.914.616
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		520.525.679.094	484.131.844.137

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		295.318.907.492	271.379.871.262
310	I. Nợ ngắn hạn		243.672.489.603	198.933.606.064
311	1. Vay ngắn hạn	13	116.694.197.046	112.429.665.326
312	2. Phải trả người bán		62.152.623.196	54.773.359.784
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	34.338.529.220	26.756.239.790
315	4. Phải trả người lao động		1.752.246.700	1.274.660.400
316	5. Chi phí phải trả	15	5.024.607.933	1.032.556.935
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	23.710.285.508	2.667.123.829
330	II. Nợ dài hạn		51.646.417.889	72.446.265.198
331	1. Phải trả dài hạn người bán		8.970.500.000	18.272.455.198
333	2. Phải trả dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
334	3. Vay dài hạn	17	41.246.992.889	53.031.847.500
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.418.925.000	1.131.962.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18.1	225.206.771.602	212.751.972.875
410	I. Vốn chủ sở hữu		213.466.477.003	201.990.615.655
411	1. Vốn cổ phần		116.500.000.000	116.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.475.000.000	13.475.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		17.550.526.900	12.980.294.100
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		6.611.881.100	4.326.764.700
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.326.764.700	4.326.764.700
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.002.304.303	50.381.792.155
430	II. Quỹ khác		11.740.294.599	10.761.357.220
431	1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		11.740.294.599	10.761.357.220
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		520.525.679.094	484.131.844.137

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	156.594.455	-


Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng


Ngô Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	312.504.158.519	245.650.182.945
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(3.545.736.141)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	308.958.422.378	245.650.182.945
11	4. Giá vốn hàng bán	20, 22	(189.839.239.729)	(135.832.738.510)
20	5. Lợi nhuận gộp		119.119.182.649	109.817.444.435
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	13.367.230.486	403.276.208
22	7. Chi phí tài chính	21	(27.840.487.925)	(20.170.304.157)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(19.226.011.273)	(18.006.417.063)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(31.705.926.709)	(22.892.671.751)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(19.973.834.485)	(19.888.790.113)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.966.164.016	47.268.954.622
31	11. Thu nhập khác		260.384.922	3.291.100.000
32	12. Chi phí khác		(73.302.477)	(1.060.384.204)
40	13. Lợi nhuận khác		187.082.445	2.230.715.796
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		53.153.246.461	49.499.670.418
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(4.220.629.504)	(4.017.489.753)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.2	(221.639.209)	220.144.938
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		48.710.977.748	45.702.325.603


Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng

 
Ngô Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 6 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		53.153.246.461	49.499.670.418
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	8, 9	20.205.753.781	19.929.562.002
03	Các khoản dự phòng		(888.716.002)	841.318.682
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.045.655.852	1.703.455.780
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.685.385.788)	-
06	Chi phí lãi vay	21	19.226.011.273	18.006.417.063
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		85.056.565.577	89.980.423.945
09	Tăng các khoản phải thu		(6.072.688.979)	(65.313.033.214)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.986.183.687)	6.471.384.096
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.619.911.280)	685.509.633
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(135.803.629)	233.721.696
13	Tiền lãi vay đã trả		(16.007.469.088)	(17.553.270.184)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(478.735.556)	(500.000.000)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.306.179.021)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.449.594.337	14.004.735.972
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	8, 9	(1.291.851.407)	(542.759.207)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.909.371.127)	-
28	Tiền thu lãi cho vay		185.385.788	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(19.015.836.746)	(542.759.207)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay đã nhận được		155.341.699.309	178.667.939.484
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(162.862.022.200)	(147.272.256.759)
36	Cổ tức đã trả		(30.608.250.000)	(50.571.750.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(38.128.572.891)	(19.176.067.275)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		305.184.700	(5.714.090.510)
60	Tiền tồn đầu năm	4	4.327.710.348	10.041.800.858
70	Tiền tồn cuối năm	4	4.632.895.048	4.327.710.348



Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng



Ngô Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 6 năm 2010